

Số: *16* /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số
115/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc
hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của
Chính phủ quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc
trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính
phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới
sáng tạo và chuyển đổi số;*

*Căn cứ Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công
nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa
học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa
học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*



Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Xét Tờ trình số 7395/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2026.
2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Nghị quyết số 180/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về hỗ trợ thu nhập cho công chức chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Điều khoản chuyển tiếp: Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND nhưng chưa được giải quyết hỗ trợ do nguyên nhân khách quan thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2026./. Vay

Nơi nhận: *Vh*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *VB*



CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt KHCN, ĐMST&CĐS) trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và thụ hưởng chính sách theo quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ, giám sát, đánh giá và kinh phí thực hiện

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp; đúng mục đích, đúng đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Đối với các nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có tính nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh mới do nguyên nhân khách quan không đạt được toàn bộ mục tiêu đề ra mặc dù tổ chức, cá nhân chủ trì đã thực hiện đầy đủ nội dung, quy trình, nghĩa vụ theo hợp đồng, thuyết minh hoặc hồ sơ được phê duyệt thì không phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ đã sử dụng đúng mục đích, đúng quy định; kết quả thực hiện được xem xét, đánh giá để làm cơ sở kế thừa, hoàn thiện và tiếp tục phát triển công nghệ, sản phẩm hoặc mô hình đổi mới sáng tạo;

c) Khuyến khích đổi mới sáng tạo gắn với cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát; lấy hiệu quả tổng thể của hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm cơ sở đánh giá thay vì chỉ đánh giá kết quả thành công của từng nhiệm vụ, dự án riêng lẻ;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau

trong phạm vi quy định tại Quy định này thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung khác nhau nếu đủ điều kiện. Trong trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ được quy định tại nhiều chính sách khác nhau của tỉnh, của trung ương thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách phù hợp nhất;

đ) Ưu tiên hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, phát triển công trình xanh, tiết kiệm năng lượng và các dự án sản xuất, sử dụng vật liệu không nung, vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường;

e) Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Quy định này nếu vi phạm nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ hoặc không có khả năng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Giám sát và đánh giá hỗ trợ

Việc tiếp nhận hồ sơ, quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quy định này được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, ưu tiên trên môi trường điện tử. Thông tin về đối tượng thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, kết quả thực hiện và các dữ liệu liên quan được cập nhật, quản lý trên cơ sở dữ liệu số phục vụ công tác quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả chính sách và kiểm soát trùng lặp đối tượng, nội dung hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

3. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Trong đó ngân sách tỉnh đảm bảo trong phạm vi nguồn kinh phí chỉ cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền giao hằng năm.

Chương II CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN NGHIÊN CỨU

Điều 4. Hỗ trợ nhân rộng mô hình từ kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ: Mô hình nhân rộng từ kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có địa chỉ ứng dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đã được Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu từ loại đạt trở lên.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí đào tạo, tập huấn, chuyển giao các quy trình kỹ thuật phục vụ xây dựng mô hình nhân rộng.

- Hỗ trợ một phần chi phí nguyên, nhiên vật liệu, vật tư phục vụ xây dựng mô hình nhân rộng.

- Hỗ trợ chi phí công chuyên gia (nếu có), công kỹ thuật, một phần công lao động phổ thông.

- Hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí khác để triển khai mô hình.

b) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư đối với mô hình nhân rộng kết quả nghiên cứu có tác động phục vụ lợi ích chung của cộng đồng, mang tính chất phi lợi nhuận; mức hỗ trợ không quá 3.000.000.000 đồng/mô hình.

- Hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư đối với mô hình nhân rộng kết quả nghiên cứu triển khai tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; mức hỗ trợ không quá 2.000.000.000 đồng/mô hình.

- Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư đối với mô hình nhân rộng kết quả nghiên cứu triển khai tại các địa bàn, đối tượng còn lại; mức hỗ trợ không quá 1.500.000.000 đồng/mô hình.

3. Hình thức, số lượng mô hình hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mỗi năm không quá 20 mô hình trên tất cả các lĩnh vực.

4. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện mô hình nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của đơn vị, tổ chức (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Phương án hoặc kế hoạch triển khai mô hình nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó nêu rõ mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, kinh phí thực hiện, hạch toán hiệu quả kinh tế (nếu có) và dự kiến kết quả.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Hàng năm các đơn vị đề xuất thực hiện chính sách gửi hồ sơ đăng ký hỗ trợ nhân rộng mô hình từ kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 7;

b) Trên cơ sở hồ sơ các đơn vị đề xuất thực hiện chính sách, Sở Khoa học và Công nghệ triển khai theo quy trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Đối tượng và quy trình hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ: Các cá nhân, tổ chức có đầy đủ tư cách pháp nhân;

b) Quy trình hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% kinh phí theo nguồn ngân sách Nhà nước ngay sau khi ký hợp đồng thực hiện;

- Hỗ trợ 50% kinh phí theo nguồn ngân sách Nhà nước sau khi có biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Điều 5. Hỗ trợ ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Sản phẩm công nghệ sinh học được ứng dụng là kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu và kiến nghị đưa vào ứng dụng thực tiễn;

b) Sản phẩm công nghệ sinh học phải phù hợp với điều kiện sinh thái, quy trình sản xuất của địa phương, có tác dụng cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải tạo và bảo vệ cảnh quan môi trường nông nghiệp, nông thôn.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua sản phẩm bao gồm các chế phẩm đã được công nhận và các chế phẩm mới đủ điều kiện áp dụng; mỗi năm hỗ trợ không quá 2.000.000.000 đồng/sản phẩm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học nêu rõ đối tượng, địa điểm, quy mô, thời gian và kết quả dự kiến.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 16 đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn;

b) Thời gian nhận hồ sơ: Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ nghiên cứu, phát hiện và công bố nguồn gen sinh vật mới, đặc hữu, quý hiếm của tỉnh cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Kết quả nghiên cứu phát hiện nguồn gen mới, loài mới hoặc nguồn gen đặc hữu của tỉnh Nghệ An có giá trị khoa học, được xác định có tiềm năng bảo tồn, phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học;

b) Nguồn gen, loài sinh vật được các cơ quan chuyên môn thẩm định, được các cấp có thẩm quyền đưa vào danh mục nguồn gen quý hiếm, đặc hữu cần bảo tồn ở cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 150.000.000 đồng/1 loài mới được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế;

b) Hỗ trợ 70.000.000 đồng/1 nguồn gen được đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen cấp quốc gia;

c) Hỗ trợ 50.000.000 đồng/1 loài mới hoặc đặc hữu được đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Tài liệu chứng minh việc công bố loài mới (bản sao bài báo, tạp chí quốc tế có uy tín).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 30 tháng 4;

- Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 10.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 7. Hỗ trợ công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu khoa học

1. Điều kiện hỗ trợ

- a) Tác giả chính là công chức, viên chức tỉnh Nghệ An;
- b) Bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc hệ thống ISI-Web of Science (WoS) hoặc Scopus hoặc ACI (ASEAN Citation Index), có phân biện, có chỉ số ảnh hưởng trong thời gian Quy định này có hiệu lực;
- c) Bài báo có địa chỉ tác giả ghi rõ cơ quan, đơn vị công tác tại Nghệ An;
- d) Bài báo phải có minh chứng về việc công bố (file bài báo, DOI, thư xác nhận của tạp chí hoặc trích lục từ cơ sở dữ liệu tạp chí quốc tế).

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ chi trả trực tiếp cho tác giả chính (người được ghi tên đầu tiên trong danh sách tác giả) của kết quả khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus: Q1: 30.000.000 đồng, Q2: 25.000.000 đồng và 20.000.000 đồng cho các tạp chí quốc tế còn lại (bao gồm cả hệ thống ACI - ASEAN Citation Index).

3. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ công bố quốc tế của tác giả có xác nhận của cơ quan (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);
- b) Bản sao bài báo đã công bố, có đầy đủ thông tin tạp chí, tác giả, số DOI. Tài liệu xác nhận tạp chí thuộc danh mục ISI-WoS, Scopus hoặc ACI (trích từ cơ sở dữ liệu chính thức).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

- a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;
- b) Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:
 - Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 3;
 - Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9.
- c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;
- d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho cá nhân theo quy định.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 8. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có địa chỉ hoạt động, trụ sở trên địa bàn tỉnh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An, được cấp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả hoặc quyền liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quy định này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư của nước ngoài.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 20.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp được cấp trong nước;

b) Hỗ trợ 60.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong nước;

c) Hỗ trợ 10.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với phần mềm máy tính được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả;

d) Hỗ trợ 80.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với các đối tượng nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ ở nước ngoài.

3. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ kết quả xác lập quyền sở hữu trí tuệ của chủ văn bằng bảo hộ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm nhận hồ sơ 3 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 30 tháng 4;

- Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 7;

- Đợt 3: Từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 9. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ ở trong nước và quốc tế

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn tỉnh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An, được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, cử tham gia ngày hội khởi nghiệp sáng tạo, chợ công nghệ, thiết bị hoặc sự kiện kết nối cung cầu công nghệ, thiết bị trong và ngoài nước;

b) Có gian hàng, sản phẩm, công nghệ, thiết bị hoặc kết quả nghiên cứu khoa học được trưng bày, giới thiệu, kết nối giao dịch tại sự kiện nói trên;

c) Hồ sơ nộp về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 30 ngày sau khi sự kiện kết thúc.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với sự kiện diễn ra tại vùng Bắc Trung Bộ: Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/đơn vị tham dự;

b) Đối với sự kiện diễn ra tại Việt Nam ngoài vùng Bắc Trung Bộ: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/đơn vị tham dự;

c) Đối với sự kiện diễn ra tại nước ngoài: Mức hỗ trợ tối đa 150.000.000 đồng/đơn vị tham dự, bao gồm chi phí vận chuyển, gian hàng, truyền thông, hội thảo, đi lại và tài liệu liên quan;

d) Trường hợp tham gia theo đoàn của tỉnh, kinh phí hỗ trợ có thể thực hiện thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh hoặc kế hoạch phát triển thị trường khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ tham gia sự kiện tương ứng (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Tài liệu chứng minh việc tham gia (giấy mời, quyết định cử đoàn, danh mục sản phẩm, hình ảnh trưng bày gian hàng, giấy chứng nhận (nếu có), ...);

c) Bản sao hộ chiếu có dấu xác nhận ngày đi, ngày về của cơ quan xuất nhập cảnh (hoặc giấy tờ chứng minh khác).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

- a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;
- b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;
- c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 10. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

- a) Tổ chức, cá nhân có trụ sở và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An, thực hiện dự án đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải hoặc nâng cao giá trị gia tăng;
- b) Công nghệ, thiết bị đầu tư phải là công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, có chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và môi trường.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ

- Chi phí chuyển giao công nghệ, bao gồm: Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu.
- Chi phí mua máy móc, thiết bị mới tiên tiến, hiện đại trong dây chuyền sản xuất, thiết bị kiểm tra chất lượng.
- Chi phí hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật về kỹ năng tay nghề, năng lực quản lý, vận hành công nghệ, thiết bị mới được đầu tư.

b) Mức hỗ trợ: Tổng kinh phí hỗ trợ cho các dự án không quá 30% tổng chi phí các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này nhưng tối đa không quá 3.000.000.000 đồng/Doanh nghiệp trong một năm.

3. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư, đổi mới công nghệ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Thuyết minh dự án;

c) Báo cáo kết quả thực hiện dự án (bản gốc);

d) Bản sao công chứng các giấy tờ: Báo cáo quyết toán và chứng từ tài chính hợp lệ (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính) đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 11. Hỗ trợ dự án thí điểm ứng dụng công nghệ xây dựng sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức có trụ sở và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An, thực hiện dự án thí điểm công trình xây dựng cho cộng đồng hoặc tổ chức công lập có tỷ lệ sử dụng từ 70% trở lên vật liệu xanh, vật liệu tái chế tại chỗ nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

b) Vật liệu, công nghệ áp dụng trong công trình phải là vật liệu xanh, tái chế, thân thiện môi trường, có chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và đáp ứng quy chuẩn xây dựng hiện hành.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, kiểm định chất lượng, đánh giá hiệu quả sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế trong công trình xây dựng và một phần chi phí mua sắm thiết bị, công cụ phục vụ thi công, giám sát, đánh giá kỹ thuật, đào tạo nhân lực và truyền thông nhân rộng mô hình;

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí thực hiện, nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/dự án.

3. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án thí điểm sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này) và Văn bản đề nghị của Sở Xây dựng;
- b) Thuyết minh dự án, phương án kỹ thuật, trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung, tỷ lệ vật liệu xanh - tái chế sử dụng, hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường;
- c) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật mô tả vật liệu, công nghệ được thẩm định theo quy định trước khi triển khai thi công xây dựng theo quy định hiện hành;
- d) Hồ sơ hoàn công, nghiệm thu các hạng mục công trình đã triển khai xây dựng theo hồ sơ thiết kế đã duyệt;
- đ) Tài liệu chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ, vật liệu.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

- a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;
- b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.
- c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO, DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ TỔ CHỨC TRUNG GIAN CỦA THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Hỗ trợ tổ chức chuỗi sự kiện ngày hội khởi nghiệp sáng tạo hàng năm

1. Điều kiện hỗ trợ

Các hoạt động phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

- a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc,

bể mặt, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo kế hoạch phê duyệt hàng năm;

b) Thuê mặt bằng (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia/gian hàng, hỗ trợ không quá 60 gian trưng bày sản phẩm tại chuỗi sự kiện ngày hội khởi nghiệp sáng tạo hàng năm;

c) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

d) Hỗ trợ tổ chức cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Nghệ An hàng năm: Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi theo các mức chi như sau:

- Giải nhất: 50.000.000 đồng/giải;
- Giải nhì: 40.000.000 đồng/giải;
- Giải ba: 30.000.000 đồng/giải;
- Giải khuyến khích: 15.000.000 đồng/giải;
- Dự án khởi nghiệp tiềm năng: 5.000.000 đồng/giải.

đ) Hỗ trợ thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian kêu gọi, truyền thông và tổ chức cuộc thi từ khi phát động và thành lập Ban tổ chức cuộc thi: Ban tổ chức: 2.000.000 đồng/người/tháng; Ban thư ký: 1.000.000 đồng/người/tháng;

e) Hỗ trợ mua chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh theo quy định hiện hành;

g) Hỗ trợ thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

- Đối với chuyên gia trong nước: Mức thuê chuyên gia tối đa không quá 30.000.000 đồng/chuyên gia/tháng đến 70.000.000 đồng/chuyên gia/tháng tùy theo mức độ của chuyên gia được quy định từ mức 4 đến mức 1 tính theo giờ, theo ngày hoặc theo tháng được quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

- Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 2 lần thuê chuyên gia trong nước;

Tổng chi phí chi cho khoản 2 Điều này mỗi năm không quá 2.000.000.000 đồng.

3. Hồ sơ thực hiện: Thanh toán theo nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện: Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai phân bổ kinh phí cho các đơn vị để triển khai thực hiện và chi trả theo quy định.

Điều 13. Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện, hình thức hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo;

b) Cơ sở, tổ chức phải có tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp, có trụ sở chính tại Nghệ An và có hợp đồng, kế hoạch, dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

c) Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung sau khi thực hiện dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và hợp đồng được thanh lý;

d) Không hỗ trợ đối với các nội dung, hạng mục đã được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:

a) Đối với dự án có tổng giá trị hợp đồng đầu tư dưới 1.000.000.000 đồng: hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 300.000.000 đồng/dự án;

b) Đối với dự án có tổng giá trị hợp đồng đầu tư từ 1.000.000.000 đồng trở lên: hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng nhưng không quá 1.000.000.000 đồng/dự án.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

- b) Thuyết minh dự án, phương án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nêu rõ mục tiêu, nội dung, hiệu quả kinh tế - xã hội;
- c) Hợp đồng, báo giá, hóa đơn hoặc tài liệu chứng minh giá trị đầu tư, chi phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật;
- d) Báo cáo kết quả nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

- a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;
- b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;
- c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 14. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

- a) Cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp có ý tưởng, dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn tham gia chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hoặc giao đơn vị chủ trì triển khai. Ưu tiên các dự án lọt top 20 cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp sáng tạo Nghệ An mở rộng hàng năm và các dự án đạt giải các tỉnh hoặc quốc gia về khởi nghiệp ở Nghệ An và doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;
- b) Dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có nội dung đổi mới về công nghệ, sản phẩm, mô hình kinh doanh, có khả năng thương mại hóa và tăng trưởng nhanh;
- c) Các dự án được hỗ trợ theo từng giai đoạn phát triển (tiền ươm tạo - ươm tạo - tăng tốc - phát triển doanh nghiệp) theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ thông qua các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo) theo các giai đoạn:

- a) Giai đoạn tiền ươm tạo: Hỗ trợ hình thành, hoàn thiện ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng mô hình kinh doanh sơ bộ; nghiên cứu tính khả thi. Mức hỗ trợ tối đa 20.000.000 đồng/dự án;

b) Giai đoạn ươm tạo: Hỗ trợ các dự án có sản phẩm tiềm năng, có khả năng thương mại hóa ra thị trường để hoàn thiện sản phẩm mẫu, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, thử nghiệm thị trường, xây dựng chiến lược tiếp cận khách hàng. Mức hỗ trợ tối đa 50.000.000 đồng/dự án;

c) Giai đoạn tăng tốc: Hỗ trợ mở rộng quy mô sản xuất thử, phát triển thị trường và gọi vốn đầu tư, tư vấn chiến lược kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị, kết nối nhà đầu tư và quỹ đầu tư mạo hiểm. Mức hỗ trợ tối đa 70.000.000 đồng/dự án;

d) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Dự án khởi nghiệp đã hình thành doanh nghiệp, có sản phẩm thương mại hóa, đang mở rộng quy mô thị trường được hỗ trợ để: Nghiên cứu, cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất; đầu tư, ứng dụng công nghệ mới; xây dựng tiêu chuẩn, chứng nhận chất lượng; mở rộng thị trường, kết nối chuỗi cung ứng, phát triển thương hiệu. Mức hỗ trợ tối đa 500.000.000 đồng/dự án/doanh nghiệp, căn cứ vào quy mô, hiệu quả và khả năng nhân rộng do Hội đồng Khoa học và Công nghệ thẩm định, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

đ) Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được xem xét hỗ trợ tài chính tương đương tối đa 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm trước liền kề, trong thời hạn 05 năm đầu có lãi để tái đầu tư mở rộng sản xuất;

e) Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, người lao động trình độ cao đang làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được xem xét hỗ trợ tương đương tối đa 80% số thuế thu nhập cá nhân đã nộp trong năm trước liền kề với mức hỗ trợ không quá 60.000.000 đồng/1 năm/người, tối đa 05 năm kể từ khi ký hợp đồng lao động lần đầu.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo của tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo kèm theo danh mục các dự án đề nghị hỗ trợ;

b) Thuyết minh dự án khởi nghiệp sáng tạo hoặc kế hoạch phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Dự toán chi phí, kế hoạch sử dụng và cam kết thực hiện đúng mục tiêu hỗ trợ;

d) Giấy tờ chứng minh hoàn thành nghĩa vụ thuế (trường hợp đề nghị hỗ trợ thuế).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 31 tháng 3;

- Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc giao dự toán cho đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo để tiến hành hỗ trợ ươm tạo theo quy trình;

e) Kết thúc một giai đoạn ươm tạo, đơn vị tổ chức ươm tạo đánh giá tình hình thực tế của doanh nghiệp, tham mưu cho Sở Khoa học và Công nghệ để hỗ trợ ươm tạo giai đoạn tiếp theo hay dừng lại.

Điều 15. Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành lập mới

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức được hỗ trợ phải có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Được cấp Giấy chứng nhận lần đầu là một trong các đối tượng sau: Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Doanh nghiệp công nghệ cao; Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ bao gồm: Trung tâm xúc tiến và môi giới công nghệ, Trung tâm ươm tạo công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, tổ chức đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, cơ sở hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo:

- Được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động;
- Mức hỗ trợ: 50.000.000 đồng/tổ chức.

b) Đối với Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Doanh nghiệp công nghệ cao, Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động;
- Mức hỗ trợ: 100.000.000 đồng/doanh nghiệp.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu doanh nghiệp có thêm kết quả mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận hoặc sản phẩm công nghệ cao

theo quy định, sẽ được đề xuất chính sách hỗ trợ thêm 50.000.000 đồng/kết quả Khoa học và Công nghệ mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận.

3. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 31 tháng 3;

- Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 30 tháng 11.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

d) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo quy trình.

Điều 16. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Việc thử nghiệm phải được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bằng văn bản, trong đó: xác định rõ phạm vi, thời gian, đối tượng, nội dung và quy mô thử nghiệm để đưa vào danh mục nhiệm vụ và giao thực hiện theo quy trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Mọi hoạt động thử nghiệm phải bảo đảm an toàn, tuân thủ pháp luật, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, môi trường, sức khỏe cộng đồng và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

c) Kết quả thử nghiệm không được coi là căn cứ pháp lý để thương mại hóa đại trà khi chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức, cá nhân phải báo cáo kết quả, đánh giá tác động, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách để xem xét nhân rộng.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm, dịch vụ trong thời gian triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; hỗ trợ tư vấn pháp lý, thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ, đánh giá an toàn thông tin, tiêu chuẩn - đo lường - chất

lượng; hỗ trợ truyền thông, kết nối đối tác, đánh giá thị trường và chuyển giao kết quả thử nghiệm khi kết thúc giai đoạn thử nghiệm thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện dự án thử nghiệm, nhưng không quá 500.000.000 đồng/dự án. Mức cụ thể căn cứ theo phương án thử nghiệm được thẩm định và phê duyệt khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Thuyết minh dự án thử nghiệm, trong đó nêu rõ nội dung, mục tiêu, phạm vi, thời gian, quy trình và phương án triển khai thử nghiệm;

c) Tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện (Giấy đăng ký doanh nghiệp, nhân lực, cơ sở vật chất, năng lực tài chính);

d) Dự toán kinh phí thực hiện và các minh chứng chi phí liên quan.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định về nội dung, kinh phí và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo hình thức giao thực hiện theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định phê duyệt, buộc hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 17. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc Giải thưởng Nhà nước theo Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tác giả, nhóm tác giả là công dân Việt Nam thường trú hoặc đang công tác, làm việc tại Nghệ An, có công trình, cụm công trình khoa học và công nghệ

được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ theo quyết định của Chủ tịch nước;

b) Giải thưởng được trao trong thời gian thực hiện Quy định này và thuộc lĩnh vực, kết quả nghiên cứu có đóng góp, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An;

c) Mỗi công trình, cụm công trình chỉ được hỗ trợ một lần, không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách Nhà nước.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Tác giả hoặc nhóm tác giả đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ: Mức hỗ trợ 200.000.000 đồng/giải thưởng;

b) Tác giả hoặc nhóm tác giả đạt Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ: Mức hỗ trợ 120.000.000 đồng/giải thưởng.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Bản tóm tắt công trình, cụm công trình được trao giải (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi tác giả đang công tác hoặc cư trú).

4. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ.

Chương V

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Điều 18. Hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hoặc tham gia hội thảo về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng;

c) Nội dung nằm trong kế hoạch đào tạo/tập huấn/hội thảo do Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt hoặc xác nhận;

d) Chưa được hưởng hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước cho cùng nội dung trong cùng năm.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 10.000.000 đồng/lớp tối thiểu 30 người/cơ sở;

b) Hỗ trợ cử cán bộ, nhân viên tham gia khóa đào tạo chuyên sâu, cấp chứng chỉ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: 10.000.000 đồng/cơ sở/khóa, mỗi năm 01 khóa/cơ sở;

c) Hỗ trợ tổ chức hội thảo, diễn đàn về nâng cao chất lượng sản phẩm: 20.000.000 đồng/cuộc, tối đa 03 cuộc/tổ chức/năm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Kế hoạch đào tạo, tập huấn hoặc hội thảo (nêu tối thiểu: tên nội dung, thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, dự toán chi phí);

c) Báo giá hoặc tài liệu mô tả chương trình của đơn vị đào tạo/tập huấn/hội thảo;

d) Tài liệu chứng minh kết quả để làm căn cứ thanh toán: Danh sách người tham gia; chứng chỉ/giấy xác nhận (nếu có); hóa đơn, chứng từ chi phí hợp lệ;

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có) phục vụ cho việc thẩm định hồ sơ.

Điều 19. Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chương trình đảm bảo đo lường

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Có phương án hoặc kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất hoặc chương trình đảm bảo đo lường, mang lại hiệu quả thiết thực;

c) Chưa nhận hỗ trợ từ chương trình, đề án, chính sách khác của Nhà nước cho cùng nội dung trong cùng kỳ;

d) Tự đảm bảo nguồn lực đối ứng còn lại và cam kết duy trì, vận hành hệ thống/công cụ sau hỗ trợ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và chứng nhận lần đầu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế: 50.000.000 đồng/hệ thống, tối đa 03 hệ thống/cơ sở;

b) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S, Kaizen, Lean, Six Sigma, KPI...): 50.000.000 đồng/công cụ, tối đa 02 công cụ/cơ sở;

c) Hỗ trợ tư vấn xây dựng và công nhận hệ thống quản lý ISO/IEC 17025 cho phòng thử nghiệm: 70.000.000 đồng/phòng;

d) Hỗ trợ tư vấn xây dựng và công nhận ISO 15189 cho các phòng xét nghiệm y tế: 100.000.000 đồng/phòng;

đ) Hỗ trợ xây dựng, áp dụng chương trình đảm bảo đo lường: 20.000.000 đồng/cơ sở.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Kế hoạch hoặc phương án áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất hoặc chương trình đảm bảo đo lường (nêu tối thiểu: Mục tiêu, phạm vi áp dụng, nội dung công việc chính, thời gian thực hiện, dự toán chi phí);

c) Báo giá hoặc đề xuất kỹ thuật của đơn vị tư vấn/chứng nhận (nếu có; không bắt buộc phải ký hợp đồng trước);

d) Tài liệu chứng minh kết quả thực hiện khi thanh toán: Hệ thống được chứng nhận; báo cáo áp dụng công cụ cải tiến; hồ sơ chương trình đảm bảo đo lường; biên bản nghiệm thu; hóa đơn, chứng từ hợp lệ;

đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có) theo yêu cầu thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Có nhu cầu và kế hoạch khả thi về: Xây dựng hoặc áp dụng tiêu chuẩn; công bố phù hợp tiêu chuẩn; chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy; xây dựng phòng thử nghiệm tại chỗ hoặc triển khai chương trình bảo đảm đo lường đối với sản phẩm, thiết bị đo lường thuộc trách nhiệm quản lý của cơ sở hoặc thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới;

c) Chưa được hưởng hỗ trợ cho cùng nội dung, cùng sản phẩm từ các chương trình, đề án, chính sách khác của Nhà nước trong cùng kỳ;

d) Cam kết duy trì áp dụng tiêu chuẩn, vận hành phòng thử nghiệm, chương trình bảo đảm đo lường hoặc tiếp tục hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu và phát triển sau khi được hỗ trợ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở tiên tiến $\geq$ tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế: hỗ trợ 100% chi phí nhưng tối đa 50.000.000 đồng/tiêu chuẩn cơ sở, tối đa 02 tiêu chuẩn cơ sở/năm;

b) Công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn:

- Theo tiêu chuẩn quốc gia: hỗ trợ 20.000.000 đồng/sản phẩm;

- Theo tiêu chuẩn quốc tế/khu vực/nước xuất khẩu: hỗ trợ 30.000.000 đồng/sản phẩm, tối đa 05 sản phẩm/năm/cơ sở.

c) Chứng nhận hợp chuẩn/ hợp quy cho sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của nước nhập khẩu: 70% chi phí nhưng tối đa 100.000.000 đồng/lần/cơ sở;

d) Xây dựng phòng thử nghiệm tại chỗ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm chủ lực, phục vụ kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế: 30% tổng đầu tư thiết bị và tư vấn, tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở;

e) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: 50% chi phí để tạo ra 01 sản phẩm, tối đa 500.000.000 đồng/sản phẩm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Phương án hoặc kế hoạch xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn (tối thiểu gồm: tên tiêu chuẩn; phạm vi áp dụng; nội dung chính; thời gian thực hiện; dự toán chi phí);

c) Báo giá hoặc đề xuất kỹ thuật của đơn vị tư vấn/đánh giá chứng nhận/kiểm nghiệm (nếu có);

d) Tài liệu chứng minh kết quả thực hiện khi thanh toán (tương ứng với các nội dung đề nghị hỗ trợ): Tiêu chuẩn cơ sở đã xây dựng hoặc nâng cấp; Hồ sơ công bố phù hợp tiêu chuẩn; Chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy; Hồ sơ, báo cáo nghiệm thu phòng thử nghiệm tại chỗ (nếu có); Báo cáo kết quả nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (nếu có); Hóa đơn, chứng từ chi phí hợp lệ theo quy định;

e) Các tài liệu liên quan khác (nếu có) phục vụ cho thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 21. Hỗ trợ đạt Giải thưởng Chất lượng trong và ngoài nước

1. Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An đạt các giải thưởng chất lượng cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế.

2. Mức hỗ trợ

a) Giải bạc Chất lượng Quốc gia: 30.000.000 đồng/cơ sở;

- b) Giải vàng Chất lượng Quốc gia: 40.000.000 đồng/cơ sở;
- c) Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 50.000.000 đồng/cơ sở.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Tài liệu chứng minh kết quả đạt giải thưởng, gồm: Giấy chứng nhận đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (Bạc/Vàng) hoặc Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương; Bản sao quyết định công nhận đạt giải của cơ quan/tổ chức có thẩm quyền;

c) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ (nếu cần để làm rõ).

Điều 22. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước tại địa bàn tỉnh Nghệ An;

b) Có nhu cầu và kế hoạch khả thi về ứng dụng công nghệ số phục vụ quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin hoặc phát triển hồ sơ số cho sản phẩm (mã số mã vạch, mã QR Code, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi, hệ chiếu điện tử...);

c) Chưa được nhận hỗ trợ từ chính sách, chương trình, đề án khác của Nhà nước cho cùng nội dung hoặc cùng sản phẩm trong cùng kỳ ngân sách;

d) Cam kết duy trì và vận hành giải pháp công nghệ sau khi được hỗ trợ để bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Xây dựng mã số, mã vạch, mã QR Code tích hợp thông tin chất lượng, xuất xứ: 20 triệu đồng/cơ sở;

b) Triển khai giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi: 70% chi phí, tối đa 100.000.000 đồng/lần/cơ sở;

c) Xây dựng và phát hành hệ chiếu điện tử cho sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm chủ lực có tiềm năng xuất khẩu: 100% chi phí, tối đa 50.000.000 đồng/sản phẩm.

3. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quy định này);

b) Phương án hoặc kế hoạch triển khai nội dung liên quan đề nghị hỗ trợ (đào tạo, tập huấn hoặc ứng dụng hệ thống chất lượng, công cụ cải tiến năng suất hoặc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa dịch vụ hoặc ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng hàng hóa);

c) Các kết quả triển khai như chứng chỉ, chứng nhận, hợp đồng, biên bản nghiệm thu hóa đơn liên quan trong quá trình triển khai, riêng đối với giải thưởng chất lượng chỉ cần giấy chứng nhận danh hiệu hoặc bằng khen kèm theo bản sao quyết định đạt giải thưởng của cấp có thẩm quyền (có kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp không nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 23. Trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Nộp hồ sơ

a) Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm tiếp nhận hồ sơ 02 đợt:

- Đợt 1: từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 31 tháng 3;

- Đợt 2: từ ngày 01 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9.

2. Trình tự thủ tục thực hiện

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định;

b) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ.

Chương VI

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VỀ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHCN, ĐMST&CDS TỈNH NGHỆ AN

Điều 24. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Có Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn, bản và tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập mỗi đơn vị 01 tổ;

b) Hàng năm có Kế hoạch kèm theo dự toán chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng được người có thẩm quyền quyết định phê duyệt và tổ chức triển khai kế hoạch đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Nội dung hỗ trợ

- Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ số, sử dụng nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến.

- Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, thu thập dữ liệu số cơ sở, phản ánh khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số ở địa phương.

- Chi các khoản cần thiết cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng: thông tin, tuyên truyền, tập huấn, tài liệu, văn phòng phẩm, liên lạc, đi lại phục vụ nhiệm vụ được giao.

b) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã: 1.000.000 đồng/tháng/1 tổ.

- Hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn, bản và tổ dân phố: 500.000 đồng/tháng/1 tổ.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện

Hàng năm các xã, phường lập kế hoạch, dự trù kinh phí gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trước ngày 30 tháng 9. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân khai kinh phí về cho phường, xã theo kế hoạch hàng năm.

Điều 25. Chính sách hỗ trợ ký hợp đồng chuyên gia thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ;

b) Luật gia, luật sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ;

c) Người có kinh nghiệm, am hiểu chuyên môn, nghiệp vụ và đã từng triển khai trực tiếp các nhiệm vụ có tính chất tương tự;

d) Người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có kinh nghiệm đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền lương: Theo hợp đồng lao động nhưng không vượt quá 50.000.000 đồng/tháng, tùy theo trình độ, năng lực, vị trí và nhu cầu sử dụng của đơn vị;

b) Hỗ trợ tiền thuê nhà: Mức tối đa 5.000.000 đồng/tháng trong thời gian thực hiện hợp đồng;

Mức hỗ trợ trên đảm bảo không vượt quá 10% so với tổng quỹ lương hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ để hỗ trợ thu hút chuyên gia.

3. Hồ sơ đối với chuyên gia để ký hợp đồng gồm:

a) Đơn đề nghị thu hút của chuyên gia gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (theo Mẫu Phụ lục 01 kèm theo Quy định này);

b) Hồ sơ cá nhân (lý lịch khoa học, văn bằng, chứng chỉ, công trình hoặc sản phẩm khoa học).

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu thực tế, xây dựng kế hoạch thu hút nhân tài, dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Sau khi được chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiến hành thông báo tuyển chọn chuyên gia, ký hợp đồng và thực hiện chi trả hỗ trợ theo quy định.

Điều 26. Hỗ trợ chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành của tỉnh Nghệ An

1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

a) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ; có khát vọng cống hiến, phụng sự Tổ quốc và Nhân dân; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung;

- Chủ trì tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền các chủ trương, giải pháp mang lại hiệu quả cao, có tính đột phá, bước ngoặt trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; có công trình nghiên cứu hoặc đề xuất được áp dụng mang lại giá trị, hiệu quả cao trong ngành, lĩnh vực chiến lược, trọng tâm của quốc gia hoặc địa phương;

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể khác theo quy định của bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương.

b) Điều kiện hỗ trợ: Được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt công nhận (mỗi lĩnh vực không quá 5 người): Khoa học tự nhiên; kỹ thuật và công nghệ; nông nghiệp và môi trường; y dược; khoa học xã hội và nhân văn; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Người được công nhận là chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành được hưởng chế độ phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương hiện hưởng, trong thời gian được công nhận (tối đa 05 năm, theo chu kỳ đánh giá lại hàng năm);

b) Ngoài ra, được ưu tiên bố trí tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ hoặc đề tài trọng điểm của tỉnh;

c) Khi thôi không còn giữ danh hiệu hoặc không đạt kết quả đánh giá định kỳ thì chấm dứt hưởng chế độ hỗ trợ kể từ tháng liền kề sau quyết định.

3. Hồ sơ xét duyệt công nhận người có tài năng

a) Hồ sơ xét duyệt lần đầu

- Văn bản của các cơ quan, đơn vị rà soát, giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, gửi hồ sơ đề nghị công nhận chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành về Sở Khoa học và Công nghệ.

- Lý lịch khoa học bản chính, bản sao các văn bằng, chứng chỉ, công trình, kết quả nghiên cứu của chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành đối với hồ sơ xét duyệt lần đầu.

- Bản đánh giá kết quả công tác, thành tích, đóng góp của cá nhân chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành của cơ quan, đơn vị công tác.

- Biên bản xét chọn, đề nghị của Hội đồng chuyên môn cơ sở của cơ quan, đơn vị công tác.

b) Hồ sơ xét duyệt năm tiếp theo: Hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Quy định nộp hồ sơ: Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này;

b) Mỗi năm nhận hồ sơ 1 đợt: Từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 31 tháng 10;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng xét chọn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và thực hiện hỗ trợ cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành trong năm tiếp theo liền kề.

Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ thì Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ hoặc không hỗ trợ;

Sau ngày có quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan quản lý chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành căn cứ quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh để lập dự toán bổ sung kinh phí chi thường xuyên của năm tiếp theo để triển khai chi trả vào lương cho chuyên gia./. *Van*

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quy định tại Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Phụ lục 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An

1. **Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:**
2. **Địa chỉ:**
3. **Điện thoại/Email:**
4. **Tên chính sách đề nghị hỗ trợ:**
5. **Tóm tắt nội dung, mục tiêu, quy mô thực hiện:**
6. **Tổng kinh phí thực hiện:** triệu đồng
 Kinh phí đề nghị hỗ trợ: triệu đồng
7. **Cam kết:**
 - Thực hiện đúng nội dung, mục tiêu đã đăng ký.
 - Sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.
 - Chưa nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước về nội dung đề xuất hỗ trợ.

Đại diện tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục 02
MẪU BÁO CÁO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An, Hội đồng thẩm định xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của:

1. Thành phần Hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng:
- Thư ký:
- Các ủy viên:

2. Nội dung thẩm định:

- Tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ.
- Tính khoa học, đổi mới, khả năng ứng dụng, hiệu quả kinh tế - xã hội.
- Mức đề xuất hỗ trợ, tính khả thi trong triển khai.

3. Kết luận:

- Hội đồng thống nhất đề nghị phê duyệt hỗ trợ: triệu đồng.
- Tỷ lệ hỗ trợ:% tổng kinh phí thực hiện.
- Kiến nghị khác (nếu có):

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 03

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ HỖ TRỢ

Ngày ... tháng ... năm ..., Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiệm thu kết quả hỗ trợ của:

1. Nội dung triển khai:

2. Kết quả đạt được:

3. Đánh giá của Hội đồng nghiệm thu:

- Kết quả thực hiện: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Đạt ☐ Không đạt
- Hiệu quả kinh tế - xã hội:
- Đề nghị thanh quyết toán, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục 04
MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN/DOANH NGHIỆP:

.....
TÊN CHÍNH SÁCH ĐƯỢC HỖ TRỢ:

STT	Nội dung chi	Dự toán (triệu đồng)	Thực chi (triệu đồng)	Ghi chú
1	Vật tư, nguyên liệu			
2	Thuê chuyên gia, nhân công			
3	Thử nghiệm, kiểm định, triển khai mô hình			
4	Tổ chức hội đồng, báo cáo, nghiệm thu			
Tổng cộng				

Đề nghị quyết toán ngân sách hỗ trợ: triệu đồng.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Vg